

H24年8月車両移動 中川営業所 → 鳴尾営業所 14両

車号	車台形式	購入年月		登録 番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NF-10	KL-MP37JM改	H18	1	1594	MBM	AT			CNG	
NF-11	KL-MP37JM改	H18	1	1595	MBM	AT			CNG	
NF-12	KL-MP37JM改	H18	1	1603	MBM	AT			CNG	
NF-13	KL-MP37JM改	H18	1	1604	MBM	AT			CNG	
NF-14	KL-MP37JM改	H18	1	1605	MBM	AT			CNG	
NF-15	KL-MP37JM改	H18	1	1606	MBM	AT			CNG	
NF-16	KL-MP37JM改	H18	1	1607	MBM	AT			CNG	
NF-17	KL-MP37JM改	H18	1	1608	MBM	AT			CNG	
NF-18	KL-MP37JM改	H18	1	1609	MBM	AT			CNG	
NF-19	KL-MP37JM改	H18	1	1610	MBM	AT			CNG	
NF-20	KL-MP37JM改	H18	1	1611	MBM	AT			CNG	
NF-21	KL-MP37JM改	H18	1	1612	MBM	AT			CNG	
NF-22	KL-MP37JM改	H18	1	1613	MBM	AT			CNG	
NF-23	KL-MP37JM改	H18	1	1614	MBM	AT			CNG	

H24年8月車両移動 鳴尾営業所 → 中川営業所 14両

車号	車台形式	購入年月		登録 番号	車体	MT/AT	ISS	ABS	低公害	備考
NH-209	PDG-KV234N2	H19	12	2062	Jbus	AT	○			
NH-210	PDG-KV234N2	H19	12	2063	Jbus	AT	○			
NH-211	PDG-KV234N2	H20	1-3	2084	Jbus	AT	○			
NH-297	LKG-KV234N3	H23	12-2	2885	Jbus	MT	○	○		
NH-298	LKG-KV234N3	H23	12-2	2886	Jbus	MT	○	○		
NF-81	PKG-MP35UM改	H21	2-3	2409	MBM	MT	○			
NF-82	PKG-MP35UM改	H21	2-3	2410	MBM	MT	○			
NF-83	PKG-MP35UM改	H21	2-3	2434	MBM	MT	○			
NF-84	PKG-MP35UM改	H21	2-3	2435	MBM	MT	○			
NS-102	PDG-LV234N2	H20	1-3	2159	Jbus	AT	○			
NS-136	PDG-LV234N2	H20	1-3	2117	Jbus	AT	○			
NS-137	PDG-LV234N2	H20	1-3	2118	Jbus	AT	○			
NS-179	PKG-LV234N2	H20	12	2314	Jbus	MT	○			
NS-180	PKG-LV234N2	H21	1-3	2334	Jbus	MT	○			